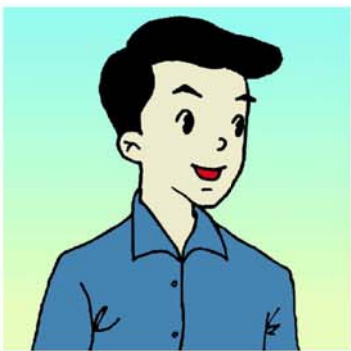




宝宝一家

Bǎobǎo yī jiā
La familia de
BaoBao.



爸爸

Bà ba
Papá

妈妈

Mā ma
Mamá



宝宝

Bǎo bao
Nombre

婷婷

Tíng tíng
Nombre



嘟嘟

Dū du
Nombre

我的家

Wǒ de jiā
Mi familia



小白兔

Xiǎo bái tù
El conejito blanco





宝宝一家

Bǎobao yī jiā

Baobao's family



爸爸

Bà ba
Dad

妈妈

Mā ma
Mom



宝宝

Bǎo bao
(proper name)

婷婷

Tíng tíng
(proper name)



嘟嘟

Dū du
(proper name)

我的家

Wǒ de jiā
My family



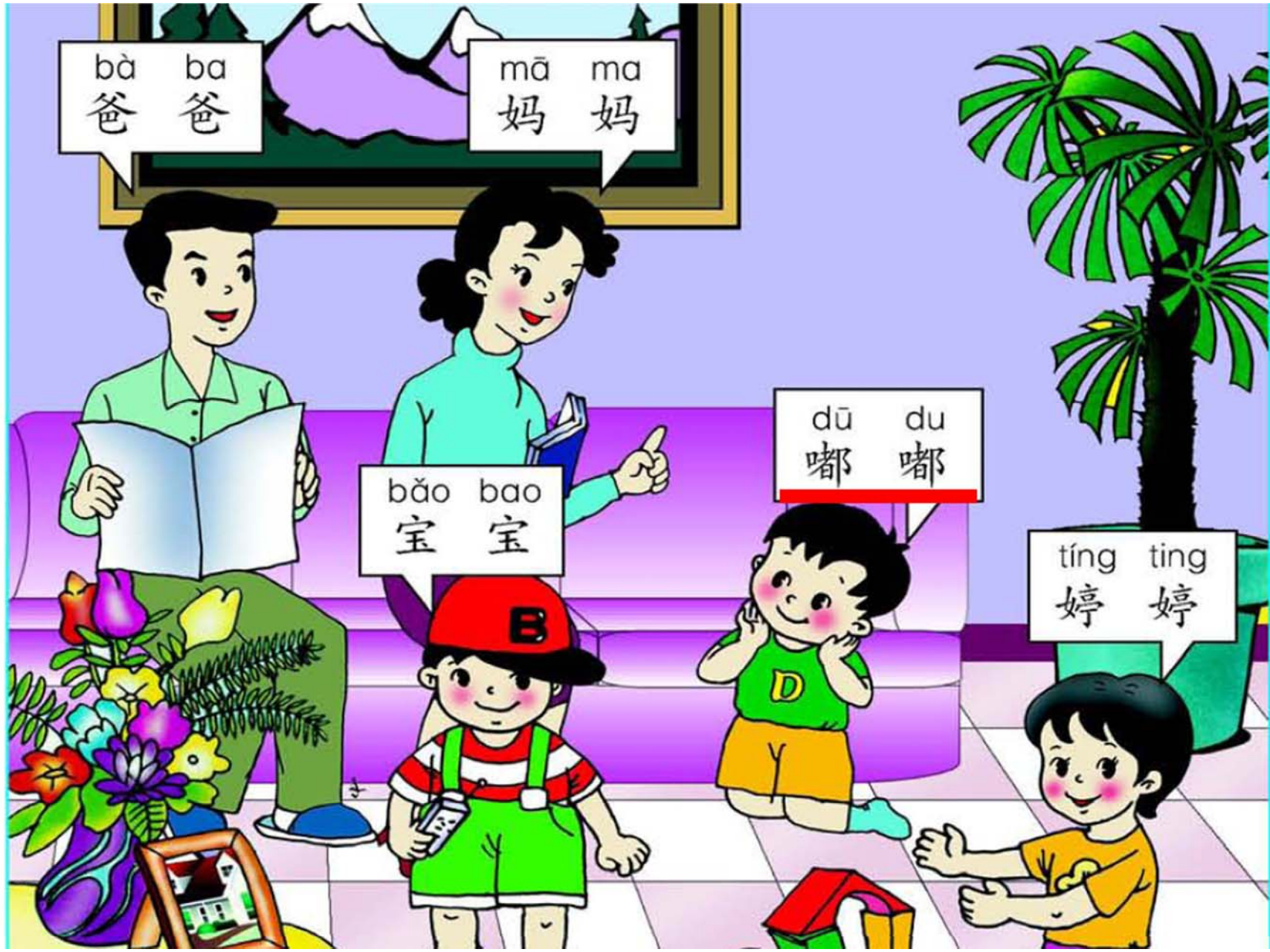
小白兔

Xiǎo bái tù
White bunny



1

Bǎo bao yì jiā 宝宝一家



1

Bǎo bao yì jiā
宝宝一家



dú yì dú
读一读



Bà ba
爸爸



Mā ma
妈妈



Bǎo bao
宝宝



Tíng tíng
婷婷



Dū du
嘟嘟

1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



dú yì dú
读 一 读

Bǎo bao
宝宝



1

Bǎo bao yì jiā
宝宝一家



dú yì dú
读 一 读

Bà ba
爸爸



1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



dú yì dú
读 一 读

Tíng tíng
婷婷



1

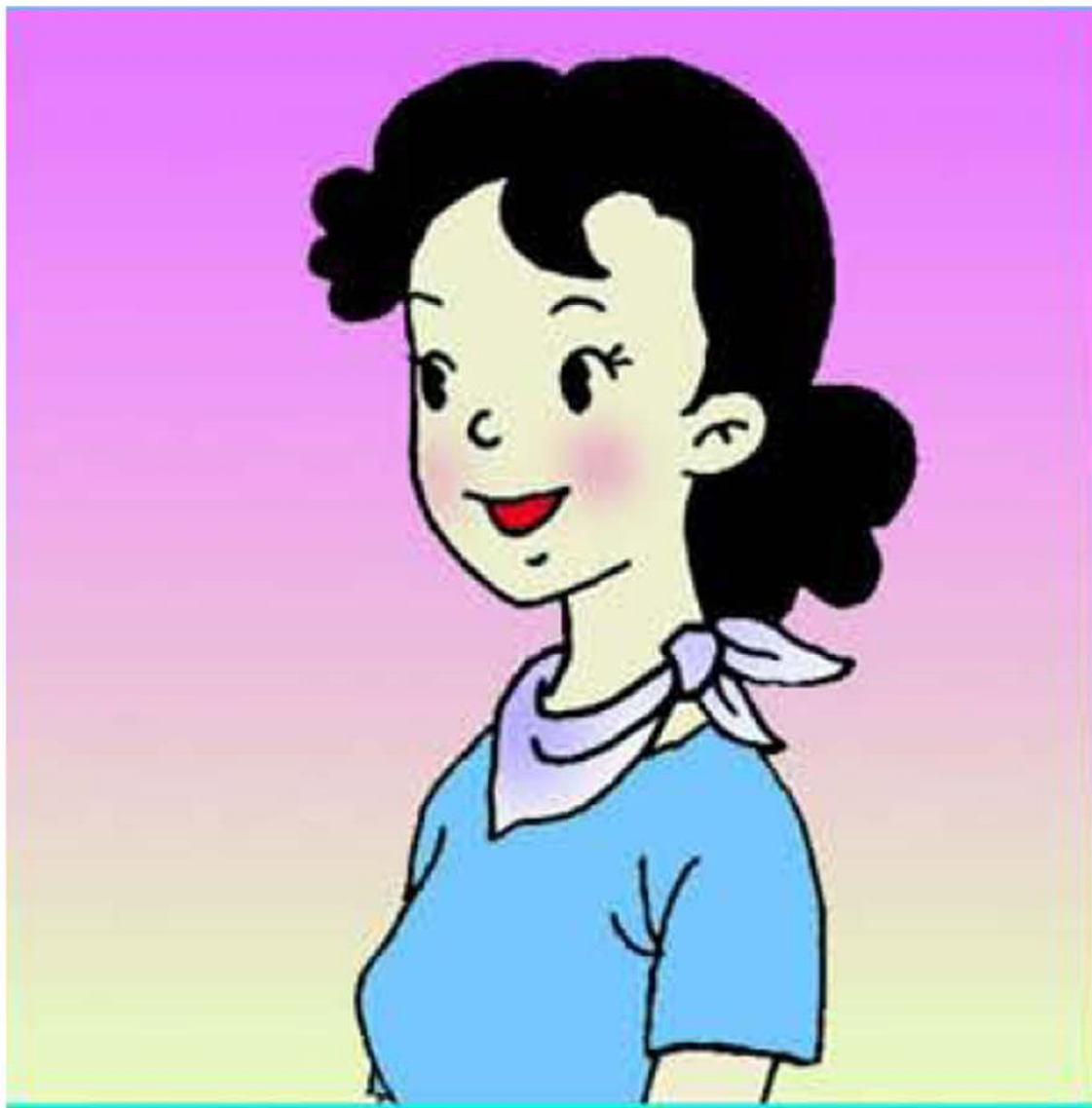
Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



dú yì dú
读 一 读

Mā ma
妈 妈



1

Bǎo bao yì jiā
宝宝一家



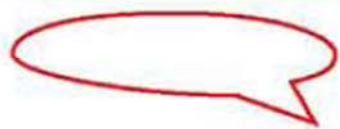
dú yì dú
读 一 读

Dū du
嘟 嘟



1

Bǎo bao yì jiā 宝宝一家



shuō yì shuō
说 一 说



①



②



③



④

1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



A:



①

1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



Bǎo bǎo
A: 宝 宝



①

1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



A:



2

B:

1

Bǎo bao yì jiā
宝宝一家



Bǎo bǎo
A: 宝 宝



②

Bà ba
B: 爸 爸

1

Bǎo bao yì jiā 宝宝一家



A:



1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家

Dū dū

A: 嘟 嘟



3

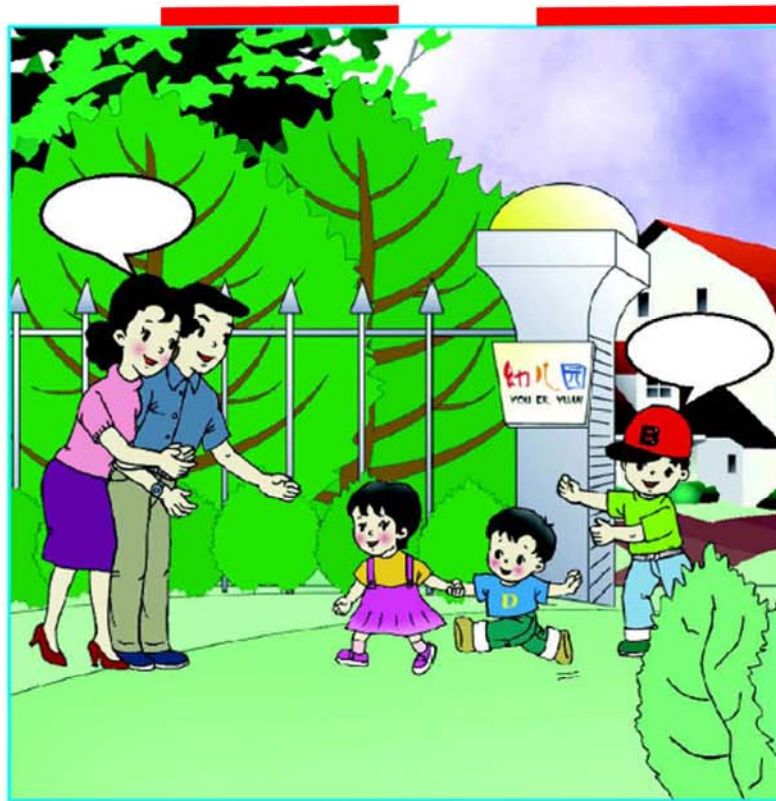
1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



A:



④

B:

1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



Dū dū, Tíng tíng

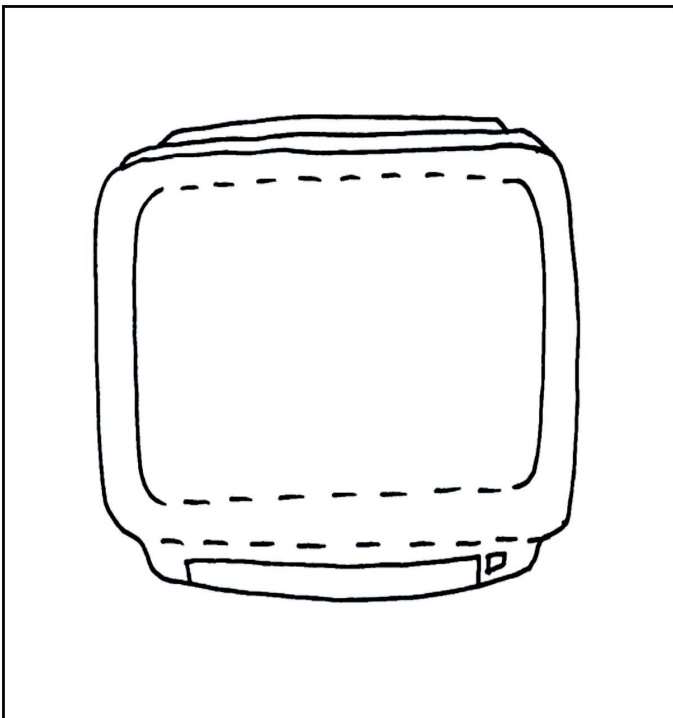
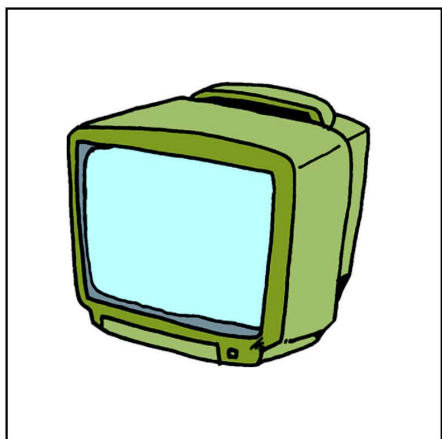
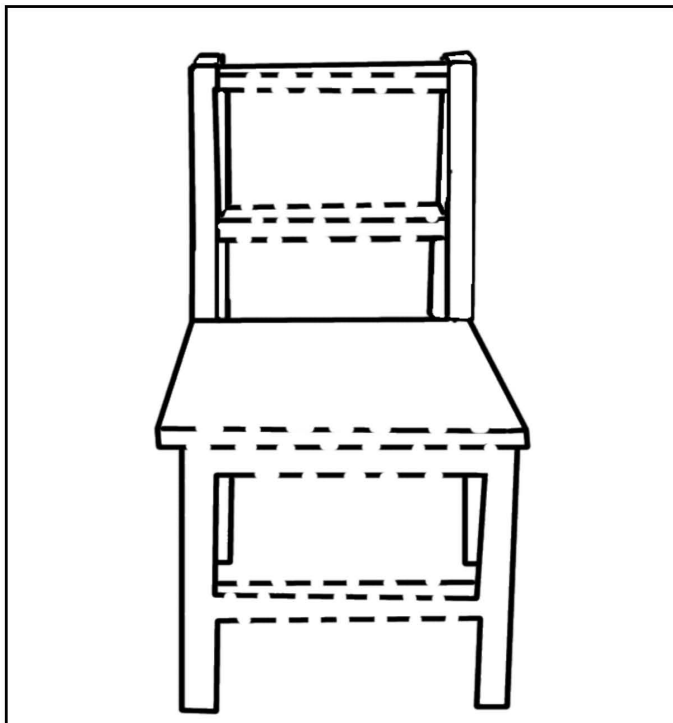
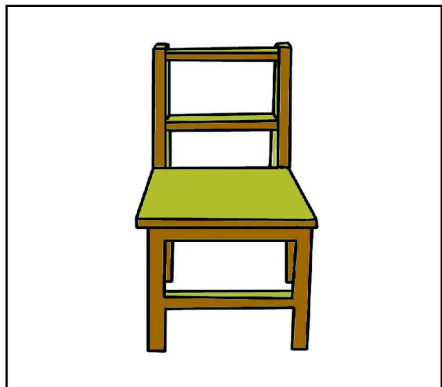
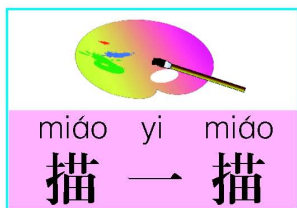
A: 婷婷, 嘟嘟



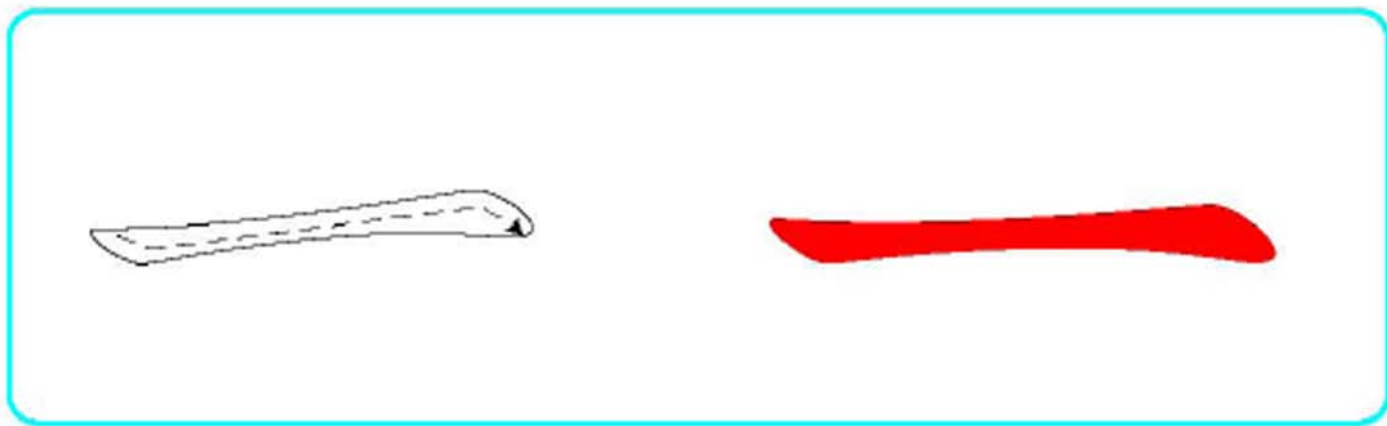
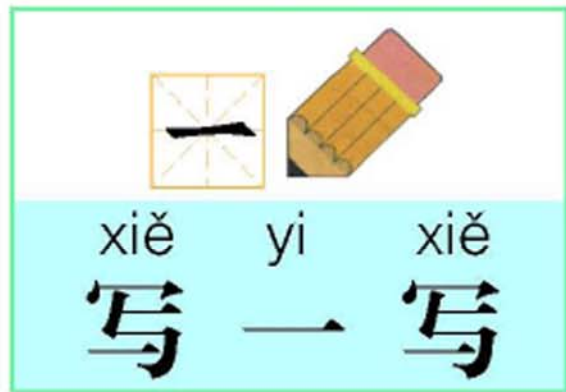
④

Mā mā

B: 妈 妈

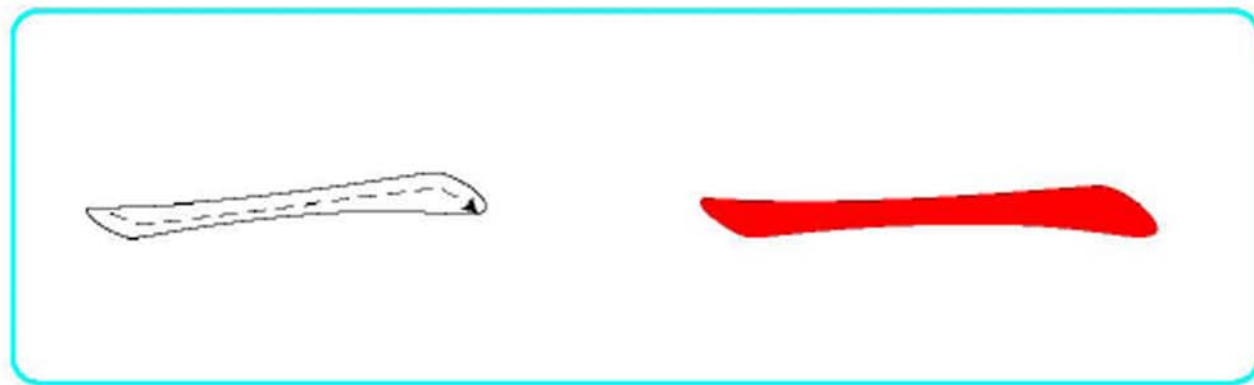


1
Bǎo bao yì jiā
宝 宝 一 家

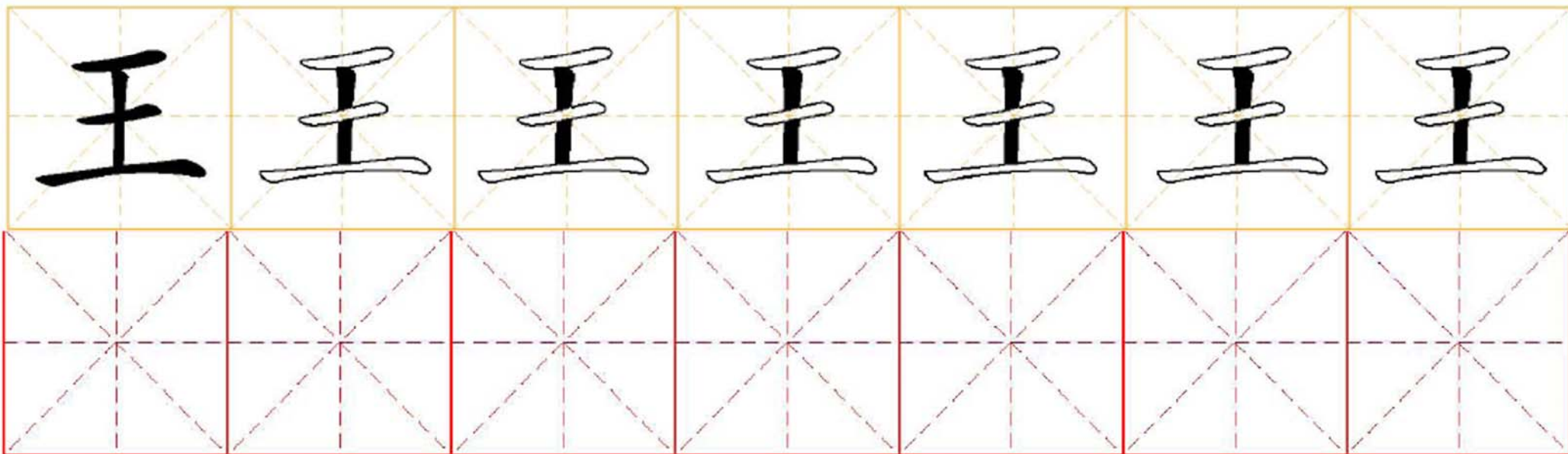


Héng
横

1
Bǎo bao yì jiā
宝 宝 一 家



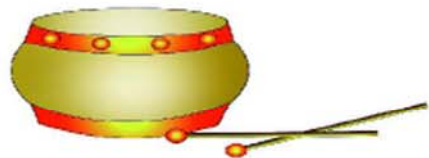
Héng
横



1

Bǎo bao yì jiā

宝宝一家



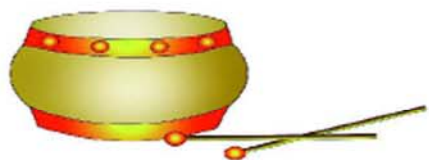
kè táng huó dòng
课堂活动

Wǒ de jiā
我的家



1

Bǎo bao yì jiā 宝宝一家



kè táng huó dòng
课堂活动

xiǎo bái tù
小白兔

xiǎo bái tù , bái yòu bái ,
小白兔，白又白，
liǎng zhī ěr duo shù qǐ lái ,
两只耳朵竖起来，
ài chī luó bo ài chī cài ,
爱吃萝卜爱吃菜，
bèng bèng tiào tiào zhēn kě ài 。
蹦蹦跳跳真可爱。

小白兔/Xiǎo bái tù/Conejito

blanco/White bunny

读一读/dú yi dú/Lee/Read

说一说/shuō yī shuō/Responde/Reply

写一写/xiě yi xiě/Escribe/Write

课堂活动 /kè táng huó dòng/Juegos de
clase/Classroom Activities



宝宝一家/Bǎobǎo yījiā/La familia de BaoBao/Baobao's family

爸爸/Bàba/Papá/Dad

妈妈/Māmā/Mamá/Mom

宝宝/Bǎobǎo/Baobao nombre propio/Baobao (proper name)

婷婷/Tíng tíng/Tingting nombre propio/Tingting (proper name)

嘟嘟/Dū dū/Dudú nombre propio/Dudu (proper name)

横/Héng/Trazo horizontal/Horizontal stroke

我的家/Wǒ de jiā/Mi familia? /My family?

宝宝一家

Bǎobǎo yījiā

La familia de BaoBao

Baobao's family

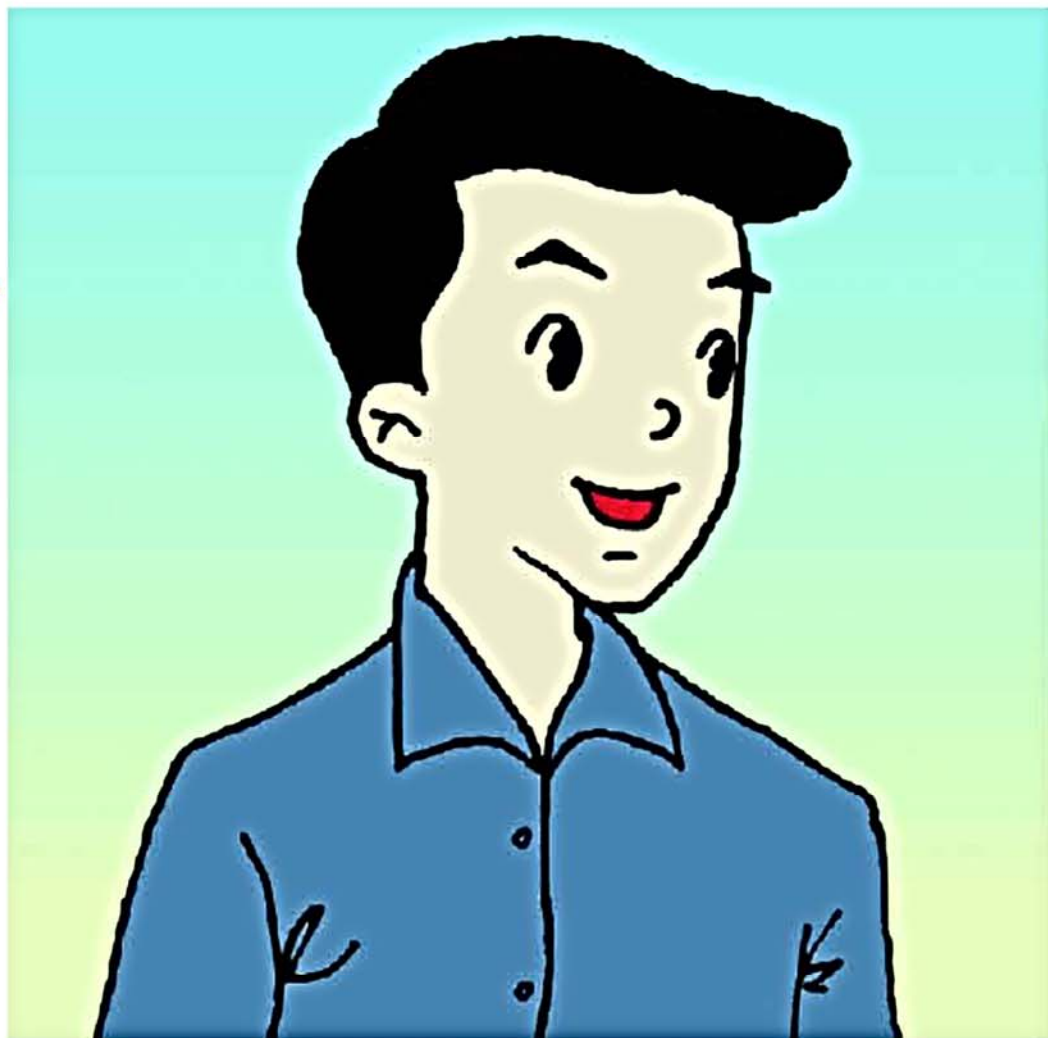


爸爸

Bà ba

Papá

Dad



妈妈

Mā ma

Mamá

Mom



宝宝

Bǎo bao

Nombre propio

Baobao (proper name)



婷婷

Tíng ting

Nombre propio



 Tingting (proper name)

嘟嘟

Dū du

Nombre propio

Dudú (proper name)

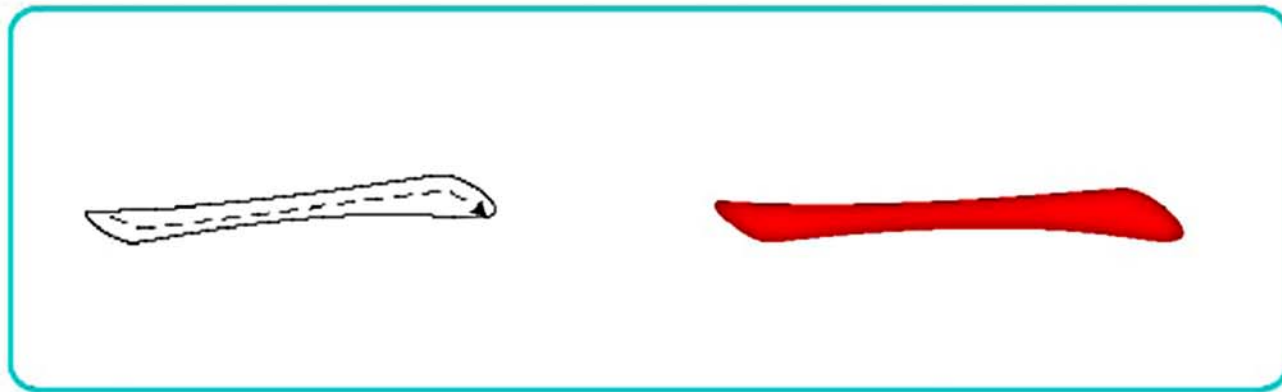


橫

Héng

Trazo horizontal

Horizontal stroke



我的家

Wǒ de jiā

Mi familia

My family



小白兔

Xiǎo bái tù

El conejito blanco

White bunny



读一读

Dú yì dú
Leer

Read

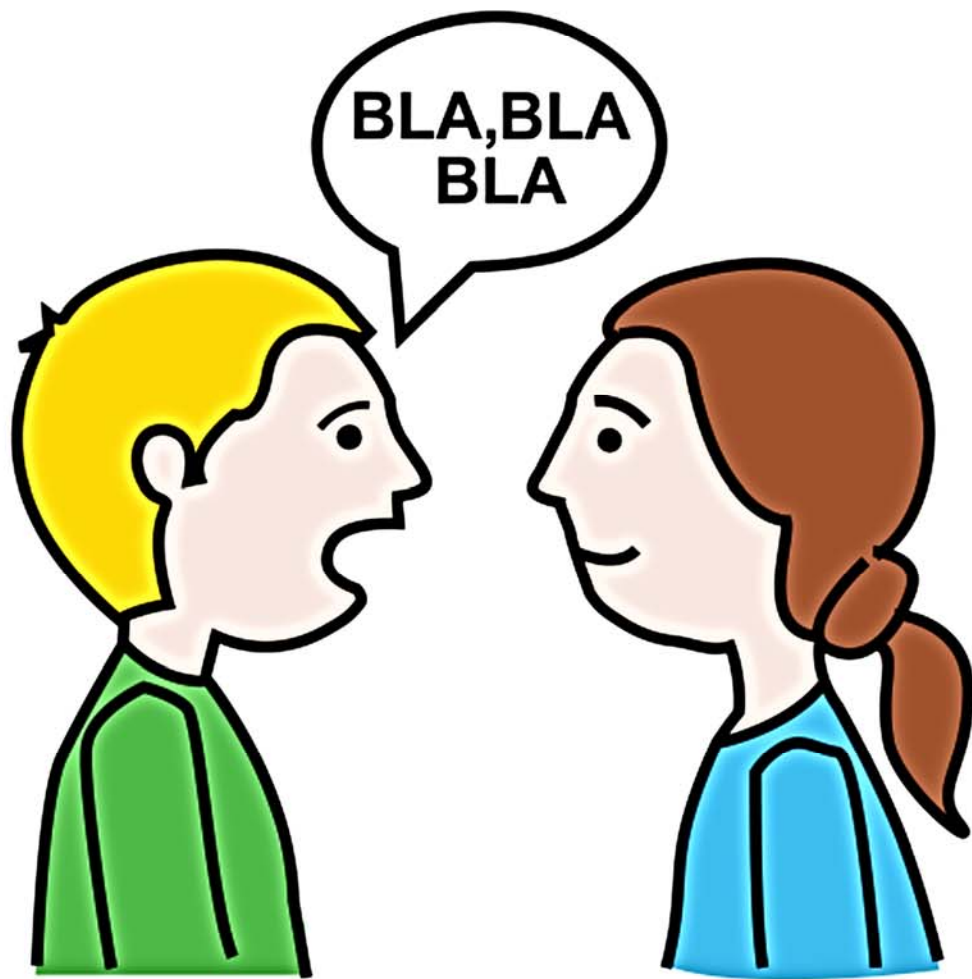


说一说

Shuō yī shuō

Responde

Reply



写一写

xiě yi xiě

Escribe

Write



课堂活动

kè táng huó dòng
Juegos de clase

Classroom Activities

